

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29/12/2022
Vv “*Tranh chấp ly hôn và con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Thu Uyên và ông Điều Nhót.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn và con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 13/7/2022, cũng như quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị T trình bày: Bà Trần Thị T và ông Phạm Văn T lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Bình, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông vào năm 2005 nhưng do bị mất giấy tờ nên đăng ký lại vào ngày 26/10/2009. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng có 02 con chung là Phạm Công M, sinh ngày 13/12/2005 và Phạm Nhật N, sinh ngày 06/6/2008. Trong quá trình chung sống cùng nhau thì ông bà chưa tạo lập được tài sản chung gì, không có vay mượn hay nợ ai tài sản gì khác. Từ khi kết hôn vợ chồng chung sống đến 2017 thì phát sinh mâu thuẫn sống ly thân nhau đến năm 2019 thì vợ chồng về chung sống lại cùng nhau, đến năm 2021 thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp

nhau, thường xuyên cãi vã nhau, chồng tôi rượu chè về nhà gây gỗ với vợ con, từ đó dẫn đến việc vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nhau, để không ảnh hưởng đến cuộc sống của các con nên vợ chồng đã sống ly thân nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn và không thể chung sống cùng nhau được nữa nên bà T có nguyện vọng xin được ly hôn với ông T. Về con chung thì có nguyện vọng được nuôi hai cháu Phạm Công M, sinh ngày 13/12/2005, cháu thứ hai tên Phạm Nhật N, sinh ngày 06/6/2008 vì từ khi sống ly thân nhau thì tôi nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu cho đến nay, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Bị đơn ông Phạm Văn T*: Trong quá trình giải quyết vụ án ông T không hợp tác. Qua xác minh tại địa phương thì ông T có đăng ký hộ khẩu thường tại thôn 10, xã Nam Bình, huyện Đăk Song, Tòa án đã xác minh, làm việc cán bộ thôn, đồng thời Tòa án đã liên lạc trực tiếp cho ông T bằng điện thoại, tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông T không chấp hành cũng không làm các thủ tục xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng vắng mặt, đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và việc giải quyết vụ án*:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị T, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T ly hôn với ông Phạm Văn T; Về con chung: Giao con chung Phạm Công M, sinh ngày 13/12/2005 và Phạm Nhật N, sinh ngày 06/6/2008 cho bà Trần Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Những yêu cầu kiến nghị khác phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ngày 13/7/2022 bà Trần Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông Phạm Văn T và yêu cầu giải quyết con chung. Vì vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Phạm Văn T hiện đang cư trú tại Thôn 10, xã Nam Bình, huyện Đăk Song. Vì vậy, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật của bị đơn: Căn cứ kết quả xác minh và làm việc cán bộ thôn nơi bị đơn cư trú thì hiện nay bị đơn có đăng ký hộ khẩu tại Thôn

10, xã Nam Bình, huyện Đắk Song và hiện còn đang cư trú tại địa phương. Tòa án đã liên lạc trực tiếp được với ông T qua điện thoại nhưng ông T không đến Tòa án làm việc cũng không làm thủ tục xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, để đảm bảo thủ tục Tòa án đã lập các biên bản về việc vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 170, Điều 173, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trên cơ sở hợp lệ các văn bản tố tụng Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định. Việc đương sự không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Phạm Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 26/10/2009, tại UBND xã Nam Bình, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Khi kết hôn cả hai bên đều tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối. Vào thời điểm kết hôn, cả bà T và ông T đều đã đủ tuổi kết hôn. Nguyên nhân ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, đã ly thân nửa năm nay. Hiện nay, theo yêu cầu của bà T và xác minh trình trạng hôn nhân thể hiện trình trạng hôn nhân vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà Trần Thị T có nguyện vọng là xin nuôi con chung là Phạm Công M, sinh ngày 13/12/2005 và Phạm Nhật N, sinh ngày 06/6/2008 đến tuổi trưởng thành. Xét hiện nay các cháu M và N đang chung sống cùng bà T, đồng thời nguyện vọng của các cháu là muốn ở với mẹ nên việc giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Các bên đương sự được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Trường hợp một trong các bên lạm dụng quyền thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết

[6] Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền bà T đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 271, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia

đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị T.

1. Về hôn nhân: Giải quyết cho bà Trần Thị T ly hôn với ông Phạm Văn T (chấm dứt quan hệ hôn nhân).

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Công M, sinh ngày 13/12/2005 và Phạm Nhật N, sinh ngày 06/6/2008 cho bà Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu M và Nam đủ 18 tuổi.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí LHST: Bà Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001603 ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Nam Bình;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Đình Minh